

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN CẨM LỆ  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2021/DS-ST

Ngày: 03-3-2021

V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Bà Trần Thị Kim Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2020/QĐST-DS ngày 14/01/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Đức L, sinh năm: 1989; địa chỉ cư trú: Khu tái định cư N, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Mai D, sinh năm: 1977; địa chỉ cư trú: Số 434 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Ngô Thanh Q, sinh năm: 1990

Trú tại: Khu tái định cư H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Đức L trình bày:* Trước tết âm lịch năm 2019, bà D có mời ông tham gia góp vốn mua lô đất, với giá 3 tỷ đồng (Ba tỷ đồng). Trong đó, bà D góp 2 tỷ đồng còn ông góp 1 tỷ đồng. Vào ngày 07/5/2019, ông đã góp 500.000.000đồng được thể hiện ở biên bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh có bà D ký xác nhận và ông Ngô Thanh Q làm chứng. Hai bên thống nhất sẽ chuyển số tiền còn lại khi có sổ đỏ, công chứng lô đất và chia lợi nhuận theo tỉ lệ % vốn đóng góp. Đến cuối năm 2019, ông tiếp tục góp thêm số tiền 204.000.000đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu đồng), như vậy tổng cộng ông đã góp được số tiền là 704.000.000đồng (Bảy trăm lẻ bốn triệu đồng) và bà D cam

kết khi có sổ đỏ sẽ chuyển qua cho ông kiểm tra và ông sẽ tiếp tục chuyển phần còn lại của số tiền như đã cam kết góp vốn. Đến đầu năm 2020, ông đã nhiều lần hỏi bà D về hồ sơ thửa đất mà ông và bà D góp vốn để mua thì bà D không giao hồ sơ của lô đất cho ông và có hành động tránh né, sau đó bà D có nói cho ông biết là bà đã bán lô đất trên với giá 4 tỷ đồng nên ông đã yêu cầu bà D hoàn lại số tiền mà ông đã góp vốn và số tiền lợi nhuận từ lô đất theo tỷ lệ vốn góp của ông.

Ngày 24/3/2020, bà D có làm giấy xác nhận và thanh toán nợ với nội dung: Bà D nợ ông số tiền 1 tỷ (Một tỷ đồng), trong đó tiền gốc là 704.000.000đồng và tiền lợi nhuận bán lô đất là 296.000.000đồng. Bà D cam kết thanh toán nợ trước ngày 04/4/2020 nhưng đến nay vẫn chưa trả. Do vậy, ông yêu cầu bà D trả cho ông số tiền là 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng) theo bản xác nhận nợ lập ngày 24/3/2020, ông không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Thị Mai D nhưng bà D không có mặt tại Tòa án và không có văn bản gửi cho Tòa án.

*\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng các quy định tại các Điều 203, 205, 208 đến 211, 220, 233 BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Chưa tuân thủ đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS năm 2015. Cụ thể: Bị đơn không tham gia phiên hòa giải.

## *II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Đức L, buộc bà Nguyễn Thị Mai D phải trả cho ông Lê Đức L số tiền 1.000.000.000đồng.

- Đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

*III. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Đây là quan hệ pháp luật về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai D hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số 434 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai D không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Đức L yêu cầu bà D trả cho ông số tiền là 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng), không yêu cầu tính lãi. Bà Nguyễn Thị Mai D vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

[2.1] Xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như lời khai tại phiên tòa thể hiện: Năm 2019, bà Nguyễn Thị Mai D và ông Lê Đức L có góp vốn mua lô đất tại kiệt 536/23 đường Đ, quận Th, thành phố Đà Nẵng với giá 3.000.000.000đồng (Ba tỷ đồng), trong đó bà D góp 2 tỷ đồng còn ông D góp 01 tỷ đồng. Ngày 07/ 5/2019, ông D đã góp 500.000.000đồng cho bà D, ông L và bà D thỏa thuận sẽ chuyển số tiền còn lại khi có sổ đỏ, công chứng lô đất và chia lợi nhuận theo tỉ lệ % vốn đóng góp. Đến cuối năm 2019, ông L tiếp tục góp thêm cho bà D số tiền là 204.000.000đồng. Tổng số tiền ông L góp cho bà D là 704.000.000đồng (Bảy trăm lẻ bốn triệu đồng).

Ngày 24/3/2020, ông L và bà D ký giấy xác nhận và thanh toán nợ với nội dung bà Nguyễn Thị Mai D nợ ông Lê Đức L số tiền 1.000.000.000tỷ (Một tỷ đồng), trong đó tiền gốc là 704.000.000đồng (Bảy trăm lẻ tư triệu đồng chẵn) và số tiền lợi nhuận theo chi phí bán đất là 296.000.000đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu đồng) và bà D cam kết thanh toán số tiền trên trước ngày 04/04/2020. Tuy nhiên, ông L đã nhiều lần yêu cầu bà D trả tiền nhưng đến nay bà D vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho ông L. Do vậy, buộc bà Nguyễn Thị Mai D phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đức L số tiền 1.000.000.000tỷ đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 274, khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Mai D phải chịu là  $[36.000.000đ + (200.000.000đ \times 3\%)] = 42.000.000đ$  (Bốn mươi hai triệu đồng)

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 274, khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên bố:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức L đối với bà Nguyễn Thị Mai D về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

**Xử:**

1. Buộc bà Nguyễn Thị Mai D phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đức L số tiền là 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Mai D phải chịu là 42.000.000đồng (Bốn mươi hai triệu đồng). Hoàn trả cho ông Lê Đức L 21.000.000đồng (Hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí, đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000200 ngày 18/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lệ Hằng**























